

Số: 6167 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao khu vực biển để nhận chìm chất nạo vét Dự án
Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (bao gồm
luồng hàng hải Sông Dinh) (công trình thực hiện năm 2025 – 2026)
của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 5553/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy

ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét, nhận chìm chất nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 505/UBND-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về vị trí đổ chất nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải Sông Dinh), luồng hàng hải Soài Rạp, luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu năm 2026;

Căn cứ Công văn số 7426/UBND-ĐT ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh khối lượng chất nạo vét nhận chìm công trình nạo vét duy tu luồng Vũng Tàu - Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải sông Dinh) và luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu năm 2025-2026;

Căn cứ Giấy phép nhận chìm ở biển số 1705 /GP-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 30010/BC-SNNMT-TNNKS ngày 11 tháng 9 năm 2026 về kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển Dự án Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải Sông Dinh) công trình thực hiện năm 2025 – 2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

1. Mục đích sử dụng khu vực biển: để nhận chìm chất nạo vét của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải sông Dinh) (công trình thực hiện năm 2025-2026)”.

2. Địa điểm khu vực biển: vùng biển phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là 49 ha, được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ cụ thể (V1, V2, V3, V4), độ sâu được phép sử dụng từ 17,7 m đến 20,1 m (Hệ cao độ Quốc gia), được thể hiện chi tiết trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện, thiết bị nhận chìm: tàu hút bùn tự hành loại lớn (công suất >5945 CV, 07 tàu), tàu hút bùn tự hành loại nhỏ (công suất >1390 CV, 01 tàu), máy đào gầu dây (công suất 60m³/giờ, 36 máy), sà lan vận chuyển (công suất <3500T, 36 sà lan).

5. Thời hạn được giao khu vực biển: Kể từ ngày Quyết định giao khu vực biển có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

6. Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp và hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển: Không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển (theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số

65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP).

Điều 2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không làm ảnh hưởng đến việc khai thác, vận hành, an toàn của các công trình, thiết bị trên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện tại khu vực; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ hằng năm, gửi trước ngày 31 tháng 12 hằng năm cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu, Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật; phải dừng ngay hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; phải thực hiện các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình sử dụng khu vực biển, bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn, hàng hải, bảo vệ tài nguyên, môi trường, nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

4. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

5. Thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển phải tuân thủ đúng, đầy đủ các quy chuẩn, quy định kỹ thuật, quy trình, quy định của pháp luật. Phương tiện, thiết bị sử dụng để thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển phải được kiểm định, kiểm tra, đánh giá và được phép sử dụng, lưu hành hợp pháp theo quy định của pháp luật. Không lợi dụng thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển, sử dụng các phương tiện, thiết bị để thu thập thông tin trái quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình quản lý, giám sát môi trường; các chương trình, kế hoạch, phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ, an toàn lao động. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, tràn dầu, hóa chất, cháy nổ, mất an toàn lao động. Phải dừng ngay hoạt động sử dụng khu vực biển trong trường hợp các chỉ số quan trắc về môi trường vượt quá giới hạn cho phép, xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường hoặc xảy ra sạt lở đê kè, bờ biển; sau khi thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục sự cố xảy ra theo quy định thì mới được tiếp tục sử dụng khu vực biển.

7. Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, pháp luật về thủy sản; không được cản trở các hoạt động quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong khu vực; các hoạt động trong quá trình sử dụng khu vực biển không được làm ảnh hưởng đến môi trường sống, nguồn lợi thủy sản; có các biện pháp để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường sinh thái, đảm bảo sinh kế, an toàn cho người, tàu cá di chuyển và phương tiện đánh bắt cá trong khu vực biển được sử dụng để nhận chìm. Thực hiện việc nhận chìm ở biển hợp lý theo điều kiện khí tượng, hải văn khu vực, các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động đến nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, bảo tồn đa dạng sinh học; không gây thiệt hại đến tài nguyên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật về môi trường trong khu vực biển được giao khi tiến hành hoạt động sử dụng khu vực biển.

8. Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật hàng hải; thực hiện đầy đủ các quy định bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải, bảo vệ công trình hàng hải theo quy định; không gây ảnh hưởng, cản trở hoạt động hàng hải tại khu vực.

9. Tuân thủ, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, biên giới quốc gia; các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng và quản lý hoạt động hàng hải; các quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ, phòng chống sự cố tràn dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm không gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; không để xảy ra các sự cố gây phức tạp về an ninh, trật tự. Có trách nhiệm phối hợp với các lực lượng thực thi pháp luật trên biển, cơ quan, đơn vị công an và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn khi có yêu cầu.

10. Chấp hành quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm bồi thường cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bị thiệt hại do hoạt động sử dụng khu vực biển gây ra theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm, nghiêm chỉnh chấp hành các biện pháp xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Thành phố, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Bộ: QP, CA, XD, NNMT (để b/c);
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Bộ Tư lệnh Thành phố;
- Công an Thành phố; Thuế Thành phố;
- Các Sở: NNMT, XD, TC, CThg, DL;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Phòng Đô thị;
- Lưu: VT, (ĐT-PVH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Minh Thạnh



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện nhận chìm chất nạo vét thuộc Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải
(Bao gồm luồng hàng hải Sông Dinh) (công trình thực hiện năm 2025-2026)

(Kèm theo Quyết định số: 6167 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026)

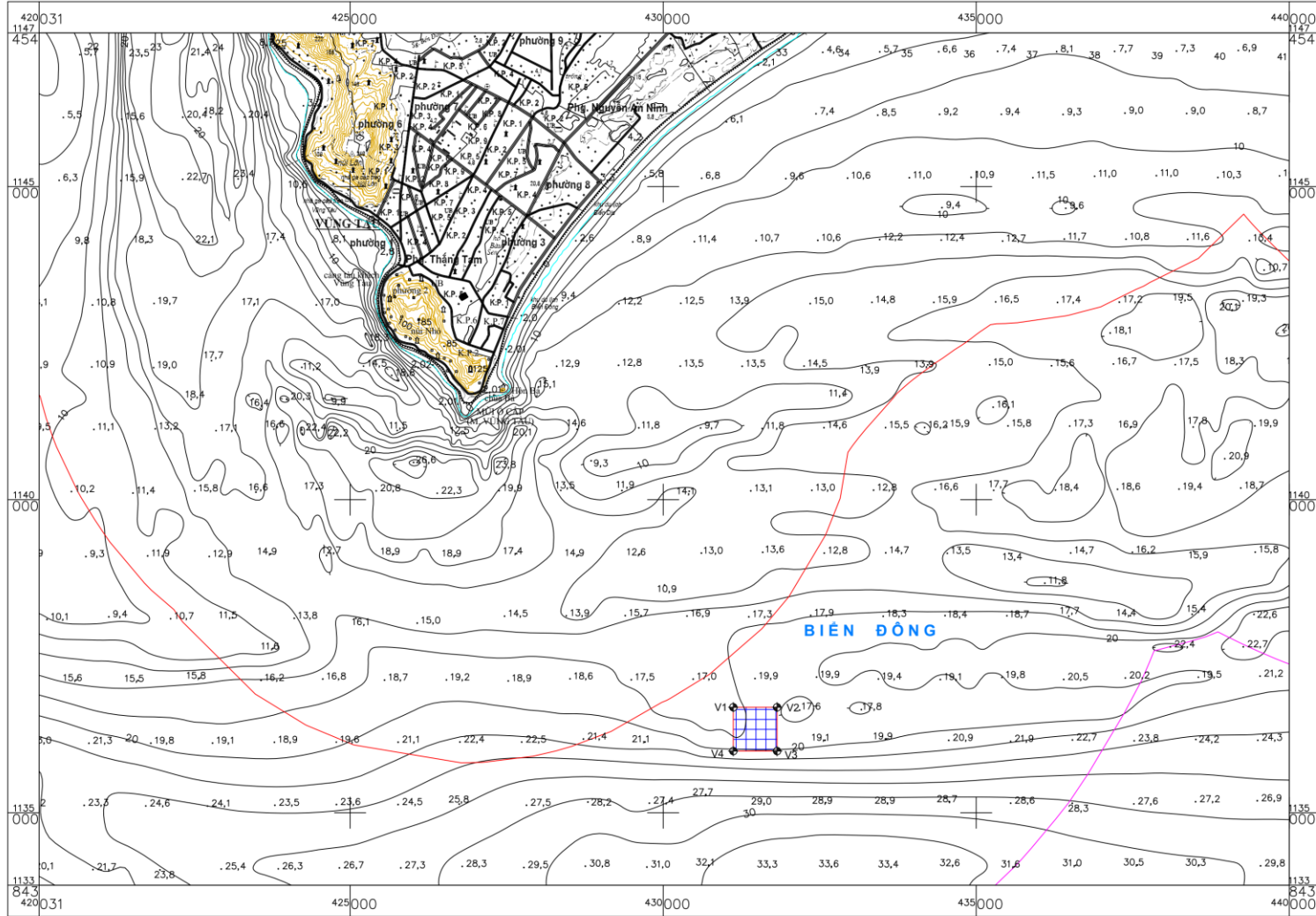
NỀN ĐỊA HÌNH ĐÁY BIỂN

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 6°		Điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°	
	Tọa độ vuông góc			Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
V1	1137044,166	732318,856	V1	1136685,00	431120,00
V2	1137050,165	733019,049	V2	1136685,00	431820,00
V3	1136349,971	733025,046	V3	1135985,00	431820,00
V4	1136343,975	732324,853	V4	1135985,00	431120,00

- Vị trí khu vực biển cách bờ khoảng 6,30 km
- Diện tích khu vực biển được sử dụng là 49,00 ha
- Độ sâu khu vực biển sử dụng: 17,7 ÷ 20,10 m (hệ cao độ Quốc gia)

CHÚ GIẢI

	Điểm góc ranh khu vực biển đề nghị giao		Số hiệu điểm góc ranh khu vực biển đề nghị giao
	Đường 3 hải lý		Đường 6 hải lý
	Đường địa hình đáy biển và giá trị độ sâu (m)		Điểm độ sâu và giá trị (m)
	Lưới hệ tọa độ VN2000, KTT 107 độ 45 phút, múi chiếu 3 độ		Đường mép nước thấp nhất trung bình nhiều năm

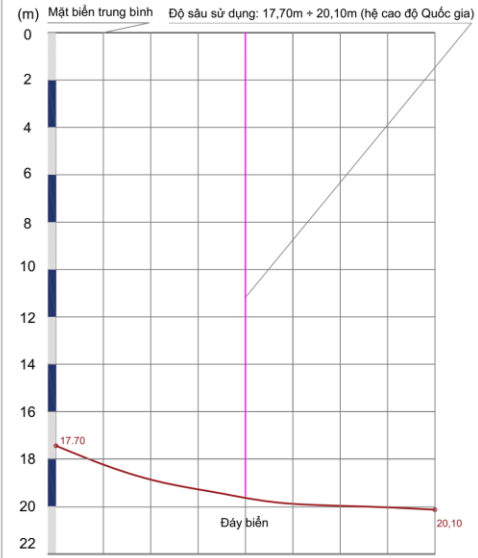


TỶ LỆ 1:50.000

1 cm trên bản đồ bằng 500m ngoài thực tế



ĐỘ SÂU SỬ DỤNG



- Tỷ lệ 1:50.000 được trích lục từ Tờ bản đồ địa hình đáy biển Vũng Tàu Phiên hiệu mảnh C-48-47-A, Tỷ lệ 1/50.000 thành lập năm 2021. Hệ tọa độ Quốc gia, Kinh tuyến trục 105°. Múi chiếu 6°.
- Đơn vị cung cấp Trung tâm hạ tầng dữ liệu không gian địa lý - Cục đo đạc bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam. Đường mép nước biển thấp nhất trong nhiều năm công bố tại Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018. Đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, 06 hải lý được công bố tại Quyết định số 853/QĐ-BTNMT ngày 25/4/2022.
- Độ sâu được tính theo hệ cao độ Quốc gia.